TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2022
"V/v Ly hôn giữa anh H và chị C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp xã M B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp n, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, anh Huỳnh Thanh H trình bày như sau:

Anh H và chị C sau thời gian tìm hiểu quen biết đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2011. Đến ngày 27/12/2011 vợ chồng thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M B, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến năm 2015 thì chị C

tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp n, xã Đ sống, trong thời gian này anh H có kêu chị C về sống chung để nuôi dạy con nhưng chị C không đồng ý về. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn để cùng lo cho con cái nhưng mâu thuẫn không được cải thiện do đó vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Huỳnh Hoài P, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Huỳnh Thái A, sinh ngày 19/10/2014. Anh H có nguyện vọng được nuôi hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh H xác định không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C có ý kiến trình bày như sau:

Vợ chồng chung sống với nhau được gia đình tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2011 như lời trình bày của anh Hi là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn mà chỉ bắt nguồn từ sự bất đồng giữa mẹ chồng với con dâu. Theo chị C trình bày mẹ chồng tính tình khó khăn với con dâu nhưng anh H không có sự động viên, chia sẻ và thông cảm với vợ mà đều nghe lời và sự dàn xếp của cha mẹ. Vào năm 2015 chị C xin ba mẹ chồng về nhà cha mẹ ruột chơi vài ngày nhưng sau đó anh H không cho chị C trở về nhà chồng sống nữa và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị C nhận thấy giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chị vẫn có thể quay về chung sống với chồng để cùng chồng nuôi dạy các con, trường hợp anh H nhất quyết ly hôn chị Ccũng đồng ý ly hôn.

Về con chung chị C thống nhất như lời trình bày của anh H, xác định vợ chồng có 02 người con chung. Chị C cho biết hiện nay chị làm thợ hồ có thu nhập đủ để nuôi con nên đề nghị được nuôi cháu Huỳnh Thái A, sinh ngày 19/10/2014 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Huỳnh Hoài P cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị C xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến trình bày của các con chung: Cháu Huỳnh Hoài P và cháu Huỳnh Thái A có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết

hôn; Giấy khai sinh của cháu Huỳnh Hoài P và cháu Huỳnh Thái A, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản công chứng), các biên bản xác minh từ địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Không có kiến nghị phần tố tụng.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho anh H được ly hôn với chị C, đề nghị giao các con chung của vợ chồng cho anh H nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Anh H xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị C chung sống với nhau vào năm 2011, vợ chồng tuân thủ các điều kiện về kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 27/12/2011 do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự tại Tòa án và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương đều thể hiện: Trong thời gian chung sống chị C không thích nghi được với nếp sống gia đình bên chồng, mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu không được hòa thuận và bản thân anh H, chị C không tìm được sự giải quyết nên dẫn đến mâu thuẫn. Chị C đã về nhà cha mẹ ruột sống được 07 năm đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng phai nhạt không muốn tiếp tục chung sống với chị C và nhất quyết

xin ly hôn dù đã được Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, để hàn gắn hôn nhân. Nhận thấy, trong thời gian ly thân dài vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, không còn quan tâm đến đời sống của nhau và không cùng nhau vun vén xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên mục đích của hôn nhân đã không đạt được do đó căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Ho và chị C ly hôn.

2.2 Về con chung:

Anh H và chị C có hai người con chung, sau khi vợ chồng ly thân các con sống với anh H và nay đều có nguyện vọng được sống cùng cha. Qua xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian sống với cha các con chung của anh chị được anh H nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Hiện tại anh H có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C cũng có nguyện vọng được nuôi 01 người con chung là cháu Huỳnh Thái A, chị C trình bày hiện nay đi làm thuê ở Bình Dương, có thu nhập đủ để nuôi con chung. Qua xem xét nguyện vọng của các con chung và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về điều kiện, khả năng nuôi con cả anh H và chị C đều cơ bản đáp ứng được việc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên từ sau khi vợ chồng ly thân các cháu đã quen sống với cha, việc học tập và sinh hoạt đã ổn định, đến nay các con chung đều muốn sống với cha, việc thay đổi người nuôi dưỡng khi con chung không đồng ý sẽ làm xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng không tốt đến các cháu. Do đó qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao các cháu Huỳnh Hoài P và Huỳnh Thái A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Nguyên đơn xác định không có và bị đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án, buộc anh H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Thanh H và chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung:

Giao các cháu Huỳnh Hoài P, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Huỳnh Thái A, sinh ngày 19/102014 là con chung của anh Huỳnh Thanh H và chị Nguyễn Thị C cho anh Huỳnh Thanh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Thanh H được giao nuôi dưỡng con chung nhưng tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Huỳnh Thanh H và chị Nguyễn Thị C vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Thanh H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004759 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Huỳnh Thanh H đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã M B;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.